



## Hệ thống RĐD,PH

Tổ chức quản lý, diện tích rừng phòng hộ

TT	Vùng sinh thái	Số lượng tổ chức quản lý rừng phòng hộ	Diện tích rừng, đất lâm nghiệp các đơn vị quản lý (ha)	Số lượng các BQLRPH	Diện tích rừng, đất LN các BQLRPH quản lý (ha)
1	Tây Bắc	24	745.842,60	14	565.073,80
2	Đông Bắc	38	828.414,49	31	744.770,49
3	ĐB Sông Hồng	9	22.064,95	9	14.522,95
4	Bắc Trung Bộ	48	950.944,28	47	901.060,98
5	Duyên Hải NTB	55	856.685,84	55	856.685,84
6	Tây Nguyên	53	882.132,67	50	878.545,77
7	Đông Nam Bộ	14	142.384,20	11	141.692,91
8	Tây Nam Bộ	19	112.974,26	12	78.687,68
<b>Tổng cộng</b>		<b>259</b>	<b>4.541.443,29</b>	<b>229</b>	<b>4.181.040,42</b>

**Phòng hộ: 229 Ban QL:**

- Sở NN&PTNT: 136
- UBND Huyện: 85
- Chi cục KL: 02
- Phòng NN&PTNT: 05
- Ban Chỉ huy QS huyện: 01 (Đông Nam Bộ, Phú Yên)
- Cộng đồng, hộ gia đình, LLVT, khác (trên 330 ngàn ha)

## Thống kê nguồn gốc hình thành của các BQLRPH

Vùng sinh thái	Số lượng các BQLRPH chuyển đổi từ LTQD	Các BQLRPH chuyển từ BQLDA 661	Các BQLRPH thành lập mới	Tổng
Tây Bắc	5	3	6	14
Đông Bắc	9	10	14	33
ĐBSH	0	0	7	7
Bắc Trung Bộ	29	0	19	46
Duyên hải NTB	18	0	36	54
Tây Nguyên	11	0	39	50
ĐNB	8	0	3	11
TNB	7	0	5	12
<b>Tổng</b>	<b>87</b>	<b>13</b>	<b>129</b>	<b>229</b>

## Quy mô diện tích quản lý của các Ban quản lý rừng phòng hộ

STT	Vùng sinh thái	≤ 5.000 (ha)	5.000 < S < 20.000 (ha)	S > 20.000 (ha)
1	Tây Bắc	1	3	10
2	Đông Bắc	4	19	10
3	Sông Hồng	7	0	0
4	Bắc Trung bộ	10	29	8
5	Duyên Hải NTB	11	37	7
6	Tây Nguyên	6	37	7
7	Đông Nam bộ	5	5	1
8	Tây Nam bộ	6	6	0
<b>Tổng</b>		<b>50</b>	<b>136</b>	<b>43</b>

## ĐÁNH GIÁ CHUNG

- Việc triển khai các chương trình, dự án (327,661,...) đối với rừng phòng hộ trên cả nước đã mang lại những hiệu quả thiết thực, góp phần thúc đẩy kinh tế xã hội, đặc biệt có tác động sâu sắc đến các địa bàn miền núi, vùng với đó diện tích cũng như chất lượng các loại rừng được cải thiện rõ
- Triển khai tốt công tác tuyên truyền, đã góp phần thay đổi nhận thức của đại bộ phận người dân, đặc biệt là những cộng đồng sống gần rừng. Từ đó thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng và các hộ gia đình vào việc bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ. BQLRPH có các hoạt động huy động các nguồn lực tại địa phương để nâng cao hiệu quả quản lý rừng cũng như mở rộng các hoạt động sản xuất với sự tham gia của người dân địa phương.
- Nguồn ngân sách của dự án cấp cho các Ban trong quá trình triển khai đã góp phần tạo tiền đề tài chính để các Ban phát huy được những thế mạnh trong việc tổ chức các hoạt động: trồng và bảo vệ rừng kết hợp với phát triển các dịch vụ cũng như trồng cây con, dịch vụ sinh thái.
- Các BQLRPH được chuyển đổi đã góp phần củng cố hệ thống tổ chức các BQLRPH, trên cơ sở là chủ thể quản lý các diện tích thuộc phạm vi thực hiện ở địa phương, các Ban này sẽ góp phần duy trì và phát triển những thành quả được tạo ra từ nguồn vốn của các chương trình, dự án.

## Xác định một số tồn tại

- Cơ cấu tổ chức, mô hình hoạt động: chưa có sự thống nhất về mô hình của các BQLRPH giữa các địa phương trong cả nước;
- Về nguồn nhân lực: (i) Việc thu hút nguồn nhân lực đã qua đào tạo của các BQLRPH gặp nhiều khó khăn do địa bàn quản lý xa, phức tạp, lại chưa có chế độ ưu đãi đối với đội ngũ cán bộ; (ii) Các Ban quản lý rừng phòng hộ, nhìn chung năng lực trong quản lý bảo vệ rừng còn hạn chế, lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách quá mỏng; (iii) Lực lượng cán bộ địa phương là lực lượng lao động tại chỗ, hầu hết chưa qua đào tạo do đó nhận thức cũng như thực thi các hoạt động trong công tác QLBV & PTR còn hạn chế.
- Tồn tại trong quản lý và bảo vệ và phát triển rừng: (i) Phần lớn diện tích đất lâm nghiệp và rừng được giao quản lý của các BQLRPH mới được rà soát, do đặc công đang trong giai đoạn chờ phê duyệt và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định; (ii) Quy chế quản lý rừng còn chưa có các nội dung quy định với tính chất đặc thù của những diện tích rừng phòng hộ thường phân bố ở nơi xa xôi, hẻo lánh, điều kiện tiếp cận khó khăn; chưa quan tâm tới tính đặc thù của loại hình rừng phòng hộ ven biển nên còn nhiều bất cập; (iii) Lực lượng bảo vệ rừng của các Ban không có quyền hạn thừa hành pháp lý, xử phạt các đối tượng vi phạm, do đó thường xuyên bị các đối tượng có hành vi vi phạm Luật BV&PTR chống đối.

### Xác định một số tồn tại (tiếp)

- Tồn tại và thách thức trong việc tổ chức và triển khai các hoạt động SXKD: các ban quản lý rừng phòng hộ là đơn vị sự nghiệp, thực hiện nhiệm vụ công ích, nhưng các nguồn thu khác hầu như không có, chủ yếu từ nguồn ngân sách cấp theo định biên, một phần thu từ kinh phí quản lý các chương trình, dự án lâm nghiệp.
- Các BQLRPH hiện nay chủ yếu phụ thuộc vào nguồn ngân sách được cấp, chưa chủ động tạo ra các nguồn thu từ phát triển các hoạt động SXKD, ngoài trông chờ vào khai thác thì hầu như chưa chú trọng phát triển thêm các dịch vụ cung ứng, tính năng động thị trường của các BQL còn rất hạn chế.
- Phần đa các BQLRPH hiện nay chưa khai thác được nguồn lực từ tiềm năng và lợi thế tại chỗ và huy động các nguồn lực khác hiệu quả.
- Các BQLRPH còn bị động trong cách tổ chức các hoạt động cũng như tìm kiếm các cơ hội để phát triển mà chủ yếu vẫn trông chờ vào nguồn đầu tư của Nhà nước, trên thực tế có nhiều Ban đã vận dụng linh hoạt, chủ động xây dựng các mô hình sản xuất để tạo nguồn thu như mô hình nông lâm kết hợp, tư vấn thiết kế, ... tuy nhiên số lượng những Ban tổ chức được các hoạt động này còn rất hạn chế.
- Hệ thống chính sách đối với rừng phòng hộ mặc dù đã có, tuy nhiên chưa tập trung và còn quy định phân tán trong các văn bản khác nhau mà chưa thực sự xây dựng được một văn bản mang tính đồng bộ cao như đối với rừng đặc dụng và rừng sản xuất.

### Xác định một khó khăn, vướng mắc

- Nguồn thu tài chính của các BQLRPH chủ yếu phụ thuộc vào nguồn ngân sách Nhà nước, mặt khác do các cơ chế chưa tạo được điều kiện để các Ban thực hiện tốt các hoạt động có thu (chưa có cơ chế về liên doanh, liên kết, huy động vốn ngoài ngân sách để mở rộng sản xuất, ...) dẫn đến nguồn thu của các Ban còn hạn hẹp, cơ cấu nguồn thu chưa đa dạng và thể hiện được sự tự chủ trong việc tổ chức các hoạt động.
- Hàng năm kinh phí từ ngân sách Nhà nước cấp cho công tác khoán bảo vệ rừng cho các hộ gia đình, cộng đồng dân cư của địa phương rất hạn chế, chưa đáp ứng đủ nhu cầu về vốn. Đối với rừng ngập mặn, các hộ nhận khoán rừng và đất lâm nghiệp tại các BQLRPH chủ yếu là quản lý bảo vệ rừng, trông chăm sóc rừng và nuôi trồng thủy sản dưới tán rừng. Cuộc sống còn nhiều khó khăn, hỗ trợ kinh phí bảo vệ rừng thấp, trong khi nguồn lợi từ việc phá rừng nuôi trồng thủy sản lại lớn, đây cũng là một trong những động lực khiến người dân phá rừng.
- Khác với lực lượng kiểm lâm, lực lượng bảo vệ rừng của các Ban không có quyền hạn thừa hành pháp lý, xử phạt các đối tượng vi phạm, do đó thường xuyên bị các đối tượng nguy hiểm chống đối dẫn đến hiệu quả quản lý rừng chưa cao.
- Hầu hết các ban quản lý rừng phòng hộ chưa tiến hành xây dựng phương án quản lý rừng bền vững, thiếu nguồn lực để triển khai thực hiện.
- Việc xử lý hành vi vi phạm Luật Bảo vệ và phát triển rừng của một số địa phương chưa được quan tâm đúng mức. Có trường hợp xử lý nhưng chưa đủ sức răn đe, từ đó dẫn đến tình trạng người dân coi thường pháp luật.



### QUAN ĐIỂM TÁI CƠ CẤU VÀ PHÁT TRIỂN LÂM NGHIỆP



10

### QUAN ĐIỂM TÁI CƠ CẤU VÀ PHÁT TRIỂN LÂM NGHIỆP



### NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

- 1 Bảo vệ và PTBV hệ thống rừng phòng hộ
- Tổ chức tốt công tác tuyên truyền, phối hợp các lực lượng, các cơ quan liên quan trong BVR thực hiện giảm 20% số vụ, 50% diện tích**
- Thực hiện nghiên cứu đề xuất điều tra đánh giá cụ thể về bộ số liệu, hệ thống cơ sở số liệu về rừng phòng hộ và quy định chi tiết về nội dung phương án quản lý rừng phòng hộ, đề xuất chính sách phù hợp.

## NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

2

Xây dựng VBQPPL

Tham gia XD Nghị định hướng dẫn Luật LK

Rà soát đề xuất XD các VB liên quan đến rừng phòng hộ

Hồlung-Huon, rừng khộp Yokdon

Đinh Huong

## ĐỊNH HƯỚNG TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Ban hành Nghị định thi hành Luật Lâm nghiệp

2. Nghị định quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức, hoạt động của Kiểm lâm

3. Nghị định về quản lý các loài ĐVR, TVR, nguy cấp, quý, hiếm và thực thi CITES

## VỀ TỔ CHỨC QUẢN LÝ RỪNG (Điều 25, 26)

1. Thẩm quyền thành lập khu RPH
2. Tổ chức quản lý rừng phòng hộ:

- Khu RPH đầu nguồn, RPH biên giới có diện tích tập trung từ 5.000 héc ta trở lên hoặc RPH chắn gió, chắn cát bay; RPH chắn sóng, lấn biển diện tích từ 3.000 héc ta trở lên được thành lập BQL RPH.

- Các khu RPH ngoài quy định trên, thì giao cho chủ rừng là tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, đơn vị vũ trang trên địa bàn để quản lý.

15

## VỀ TỔ CHỨC QUẢN LÝ VỀ RỪNG

1. Rà soát các Ban quản lý RPH, đổi tên BQL.
2. Quy định cơ cấu tổ chức BQL RPH
3. Quy định trình tự thủ tục thành lập BQL RPH
4. Giải thể Ban quản lý khu RPH
5. Phương án tổng phát triển bền vững RĐDD,PH
6. Thành lập Hạt Kiểm lâm RPH
7. Nhiệm vụ của Kiểm lâm bảo vệ RPH
8. Quyền và nghĩa vụ của ban quản lý RPH

16

## VỀ PHƯƠNG ÁN QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG

1. Chủ rừng phải xây dựng phương án quản lý rừng bền vững;

2. Đối với rừng đặc dụng:

- Đánh giá điều kiện tự nhiên, KTXH, quốc phòng, an ninh; HSTR, ĐDSH, di tích lịch sử - văn hóa, cảnh quan;
- Xác định mục tiêu, phạm vi quản lý rừng bền vững;
- Xác định diện tích rừng bị suy thoái được phục hồi và bảo tồn;
- Xác định hoạt động quản lý, bảo tồn, phát triển và sử dụng rừng;
- Giải pháp và tổ chức thực hiện.

3. Đối với rừng phòng hộ:

- Đánh giá điều kiện tự nhiên, KTXH; thực trạng TNR;
- Xác định mục tiêu, phạm vi quản lý rừng bền vững;
- Xác định chức năng phòng hộ của rừng;
- Xác định hoạt động quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng rừng;
- Giải pháp và tổ chức thực hiện.

17

**TRÂN TRỌNG CẢM ƠN!**